TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 12 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn 2, xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Lưu Đình K**, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn 4, xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Đình K qua tìm hiểu, tự nguyện yêu thương và lấy nhau có cưới hỏi theo phong tục địa phương và làm đăng ký kết hôn tại UBND xã T1 vào ngày 16/11/1999 theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 18 năm thì không còn hạnh phúc,

mà bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong sinh hoạt gia đình, anh K không tu chí làm ăn mà chơi bời, rượu chè, nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Đến năm 2017 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nên chị cùng các con bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn 2, xã T1 sinh sống, từ đó vợ chồng đã ly thân đến nay, không còn qua lại tình cảm với nhau. Gia đình hai bên có khuyên bảo, hòa giải cho vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả, anh K lại còn đang có quan hệ tình cảm với người con gái khác. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn không thể Hn gắn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lưu Huyền Tr, sinh ngày 12/4/2000 và cháu Lưu Linh G, sinh ngày 18/9/2008, hiện cả 02 con chung đều đang ở với chị từ khi vợ chồng ly thân. Ly hôn, quan điểm chị H là cháu Tr đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết; cháu G đang còn nhỏ (chưa đủ 18 tuổi), chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng. Tại phiên tòa chị H khẳng định chị có đủ điều kiện để nuôi con, không cần anh K phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 12 năm 2022, bị đơn là anh Lưu Đình K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn có tổ chức cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/11/1999 tại UBND xã T1. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 19 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2018 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Anh K xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lưu Huyền Tr, sinh ngày 12/4/2000 và cháu Lưu Linh G, sinh ngày 18/9/2008. Hiện cháu Tr đã trưởng thành, còn cháu G đang ở với chị H. Ly hôn quan điểm của anh Kiện là các con ở với ai là tùy thuộc nguyện vọng của con. Nếu con ở với chị H thì anh không cấp dưỡng cùng chị H.

Về tài sản và công nợ: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/12/2022 cháu Lưu Linh G có trình bày ý kiến: Thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ (chị H) cho thuận tiện sinh hoạt và học tập.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 01/12/2022, đại diện Ủy ban nhân xã T1 cho biết: Chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Đình K có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã T1 vào ngày 16/11/1999; Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lưu Huyền Tr, sinh ngày 12/4/2000 và cháu Lưu Linh G, sinh ngày 18/9/2008; Cháu Tr đã trưởng thành, còn cháu G hiện đang ở với chị H tại nhà bố mẹ đẻ chị H. Qúa trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn như thế nào, gia đình không báo cáo nên địa phương không nắm bắt được.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lưu Đình K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lưu Huyền Tr, sinh ngày 12/4/2000 và cháu Lưu Linh G, sinh ngày 18/9/2008; Cháu Tr đã trưởng thành, nên không giải quyết. Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên giao con chung là cháu Lưu Linh G, sinh ngày 18/9/2008 cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Lưu Đình K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Lưu Đình K, cư trú tại: Thôn 4, xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Lưu Đình K vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến Hnh xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Đình K tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã T1 cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/11/1999, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2018 thì tình cảm giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn,

nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có sự tin tưởng, tôn trọng và chia sẻ với nhau trong sinh hoạt gia đình cũng như công việc, nên giữa vợ chồng đã thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Từ cuối năm 2017 mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, nên vợ chồng đã ly thân đến nay, không còn qua lại tình cảm với nhau. Qúa trình giải quyết vụ án, chị H vẫn một mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; anh K cũng có lời khai thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn. Tại các phiên hòa giải, cũng như tại phiên tòa hôm nay anh K đều vắng mặt, điều đó thể hiện anh K không còn có thiện chí Hn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lưu Đình K.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Đình K đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lưu Huyền Tr, sinh ngày 12/4/2000 và cháu Lưu Linh G, sinh ngày 18/9/2008.

Qúa trình giải quyết vụ án, chị H và anh K đều có ý kiến xác định cháu Tr đã trưởng thành, nên anh chị không yêu cầu giải quyết, do đó không xét. Đối với con chung là cháu G đang còn nhỏ, ở độ tuổi cần phải có người trực tiếp chăm sóc, chị H có ý kiến xin được trực tiếp nuôi dưỡng; Tại bản tự khai anh K có ý kiến con ở với ai tùy thuộc nguyện vọng của con; Tại bản tự khai cháu G có ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ (chị H) cho thuận tiện sinh hoạt và học tập; Hơn nữa hiện tại cháu G cũng đang ở ổn định với chị H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần thiết giao con chung là cháu G cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị H khẳng định có đủ điều kiện để nuôi con và có ý kiến không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị H và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đo, anh Lưu Đình K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Đình K đều có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lưu Đình K.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Đình K có 02 (hai) con chung là cháu Lưu Huyền Tr, sinh ngày 12/4/2000 và cháu Lưu Linh G, sinh ngày 18/9/2008.

Giao con chung là cháu Lưu Linh G cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Lưu Đình K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lưu Đình K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Đối với con chung là cháu Lưu Huyền Tr đã thành niên (trên 18 tuổi), chị H và anh K không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Đình K không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014431 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi Hnh án dân sự; Thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã T1;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến